

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2018

Về tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Dương Thúy Hằng**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh**

2. Ông **Võ Quang Truyền**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa:** Ông **Đặng Quốc Sĩ** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 714/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **HTMN**, sinh năm: 1991 - Có mặt

Địa chỉ: Số B5/8, ấp TC, xã TH, huyện HT, tỉnh TN.

2. *Bị đơn:* Anh **TMT**, sinh năm: 1987 - Vắng mặt

Địa chỉ: 4/21, ấp TP, xã TĐ, huyện HT, tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2017, quá trình cung cấp chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn chị HTMN trình bày:*

Chị và anh TMT chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân là do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Hòa, huyện HT, tỉnh TN. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường

xuân uống rượu về đập phá tài sản trong gia đình, hành hạ vợ con, chị đã nhiều lần cho anh cơ hội sửa chữa nhưng anh vẫn không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên tháng 12 năm 2016 chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung có 01 người tên THNT, sinh ngày 28/5/2014, chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT phát biểu ý kiến:

***1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:***

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

***2/Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:***

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

***3/Về nội dung:***

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh TMT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị HTMN và anh TMT chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N cho rằng anh T thường xuyên uống rượu về đập phá đồ đạc trong

gia đình, hành hạ vợ con, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

[3] *Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng:* Chị N và anh T chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị N cho rằng anh T thường xuyên uống rượu về đập phá tài sản trong gia đình, hành hạ vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Qua xác minh mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh T xét thấy lời trình bày của chị N là có căn cứ, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do anh T thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, anh chị không khắc phục được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Xét yêu cầu nuôi con của chị N thấy rằng:* Hiện cháu THNT đang sinh sống ổn định với chị N nên giao cháu T cho Ngọc tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị HTMN đối với anh TMT.

Chị HTMN được ly hôn với anh TMT.

Về con chung: Giao cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu THNT, sinh ngày 28/5/2014.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung : Chị N trình bày không có nên không đặt ra

giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số **0004702** ngày **06** tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN. Ghi nhận chị N đã nộp xong.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho chị N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN.
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.
- Lưu tập án.

***Dương Thúy Hằng***